TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHÚC YÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC** Bản án số: 06/2018/DS-ST Ngày 27 - 4 - 2018 V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Thịnh

Bà Phan Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Ông Đường Thái Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2017/TLST - DS ngày 30 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST - DS ngày 27 tháng 3 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2018/QĐXXST - DS ngày 11 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty tài chính V (sau đây gọi là công ty).

- *Người đại diện theo pháp luật :* Ông Lô Bằng G - Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Địa chỉ: Tầng x, Tòa nhà R, số x, đường Đ, phường xx, Quận x, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Chị Lê Thị H, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Số 60, đường L, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (theo văn bản ủy quyền số 143/UQTT-QTRR.17 ngày 19/9/2017).

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Thành T, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn C, xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 9 năm 2017 của nguyên đơn và những lời khai tiếp theo người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, chị Lê Thị H trình bày:

Ngày 24 tháng 4 năm 2015, Anh Hoàng Thành T có ký Đơn đề nghị vay vốn kiêm giấy đăng ký, kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản hợp đồng tín dụng số 20150505-800005-xxxx vay số tiền 30.595.000đ *(Ba mươi triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng*), trong đó vay tiêu dùng là: 29.000.000đ và phí bảo hiểm là: 1.595.000đ, lãi suất vay 3,75%/tháng, thời hạn vay là 15 tháng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, anh T có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc và lãi là 40.558.000đ trong 15 tháng (14 tháng đầu, mỗi tháng trả 2.704.000đ, tháng cuối cùng trả 2.702.000đ) thanh toán vào ngày 07 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 07/5/2015. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh T đã nhận đủ số tiền vay là 30.595.000đ và thanh toán cho công ty được 09 lần với tổng số tiền là 26.864.000đ, trong đó nợ gốc trả 18.834.337đ, nợ lãi trả là 8.029.663đ. Kể từ ngày 03/11/2016 anh T không thanh toán bất cứ khoản nào cho công ty, dù đã được nhắc nhở nhiều lần. Nay, công ty khởi kiện yêu cầu anh T phải trả cho công ty số tiền 13.694.000đ (trong đó nợ gốc là 11.760.663đ; nợ lãi là 1.933.337đ) và tiền lãi phát sinh của số tiền gốc (11.760.663đ) tính từ sau ngày hết hạn hợp đồng tín dụng (ngày 08/8/2016) đến khi thanh toán xong.

Trong quá trình hòa giải tại Tòa án, hai bên thỏa thuận nếu anh T trả trước 5.800.000đ số tiền gốc vào ngày 23/3/2018 cho công ty, thì công ty sẽ miễn số tiền lãi 1.933.337đ cho anh T, số tiền gốc còn lại công ty cho anh T trả dần. Nhưng đến ngày 23/3/2018 anh T không thực hiện được như thỏa thuận nên công ty không miễn số tiền lãi 1.933.337đ cho anh T.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc anh T phải thanh toán số tiền gốc 11.760.663đ và số tiền lãi 1.933.337đ và số tiền lãi phát sinh của số tiền gốc 11.760.663đ từ sau ngày công ty có đơn khởi kiện đến ngày tòa án xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất là 9%/năm, tương ứng 0,75%/tháng. Cụ thể số tiền lãi là: 11.760.663đ x 0,75%/tháng x 07 tháng 07 ngày = 638.015đ. Riêng số tiền lãi suất phát sinh của số tiền gốc 11.760.663đ từ sau ngày hết hạn hợp đồng (ngày 08/8/2016) cho đến ngày công ty có đơn khởi kiện (ngày 19/9/2017), công ty miễn cho anh T.

Tổng số tiền Anh Hoàng Thành T phải thanh toán cho Công ty tính đến ngày 27/4/2018 là: 13.694.000đ + 638.015đ = 14.332.015đ (Trong đó: nợ gốc là: 11.760.663đ; nợ lãi là 2.571.352đ). Sau khi Tòa án xét xử nếu anh T chậm thanh toán thì anh T phải chịu lãi suất chậm trả quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 mà không tính theo lãi suất của Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết.

Bị đơn Anh Hoàng Thành T tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai ngày 25 tháng 12 năm 2017, biên bản hòa giải ngày 28 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 01 năm 2018 anh T trình bày: Anh thừa nhận ngày 24/4/2015 anh đã làm Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng với Công ty tài chính V. Về số tiền vay, lãi suất vay, thời hạn vay, mục đích vay, phương thức thanh toán và số tiền anh đã thanh toán cũng như số tiền anh còn nợ công ty đúng như đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày. Nay công ty khởi kiện, anh hoàn toàn nhất trí trả nợ cho công ty, nhưng do anh khó khăn nên anh xin được trả dần khoản nợ gốc 11.760.663 đ còn số tiền lãi 1.933.337đ và các khoản lãi phát sinh, anh đề nghị công ty miễn cho anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty tài chính V là doanh nghiệp hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, được thực hiện các hoạt động huy động vốn, hoạt động tín dụng cho vay ngắn hạn, cho vay trung và dài hạn ... theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngày 24 tháng 4 năm 2015 giữa công ty - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với Anh Hoàng Thành T có địa chỉ tại thôn C, xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc đã ký kết Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20150505-800005-xxxx về việc công ty cho anh T vay số tiền 30.595.000đồng với mục đích tiêu dùng. Do anh T vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng, nên công ty đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên. Vì vậy quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp: “Hợp đồng tín dụng” và thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập bị đơn tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn cố tình vắng mặt. Vì vậy, Toà tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận ngày 22 tháng 4 năm 2015 bị đơn đã làm Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20150505-800005-xxxx và ngày 07 tháng 05 năm 2015 được nguyên đơn đồng ý và phê duyệt khoản vay; số tiền nguyên đơn cho bị đơn vay là 30.595.000đồng, bị đơn đã nhận đủ số tiền vay, lãi suất vay là 3,75%/tháng để tiêu dùng, thời hạn vay là 15 tháng, phương thức thanh toán là ngày 07 hàng tháng, trong 14 tháng đầu mỗi tháng bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 2.704.000đ, tháng cuối cùng trả 2.702.000đ. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã trả cho nguyên đơn được 09 lần tương ứng với 09 kỳ thanh toán với tổng số tiền đã trả là 26.864.000đ, trong đó nợ gốc trả 18.834.337đ, nợ lãi trả là 8.029.663đ. Theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Như vậy, anh T phải còn nợ công ty số tiền 13.694.000đ (trong đó nợ gốc là 11.760.663đ; nợ lãi là 1.933.337đ) và tiền lãi phát sinh của số tiền gốc là có thật.

Quá trình giải quyết vụ án hai bêb thỏa thuận nếu anh T trả cho công ty 5.800.000đ tiền gốc vào ngày 23/3/2018, số tiền gốc còn lại trả dần theo tháng và khi trả hết tiền gốc thì công ty xem xét miễn tiền lãi cho anh T. Tuy nhiên, anh T đã không thực hiện như cam kết nên công ty yêu cầu bị đơn trả ngay số tiền còn nợ cả gốc và lãi. Về lãi suất, nguyên đơn tự nguyện điều chỉnh giảm lãi suất đối với nghĩa vụ chậm thanh toán của bị đơn theo mức lãi suất là 9%/năm và không đề nghị tính lãi suất kể từ sau ngày hết hạn hợp đồng (ngày 08/8/2016) đến ngày có đơn khởi kiện (ngày 19/9/2017) để giảm bớt khó khăn cho bị đơn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy Hội đồng xét xử cần buộc anh T có trách nhiệm trả nợ cho

công ty tổng số tiền là 14.332.015đ (trong đó: nợ gốc là: 11.760.663đ; nợ lãi là 2.571.352đ).

Đây là hợp đồng tín dụng, nếu sau khi án có hiệu lực pháp luật, bị đơn không thanh toán cho nguyên đơn thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh cho đến khi thanh toán như hợp đồng đã ký là 3,75%/tháng. Tuy nhiên nguyên đơn chỉ đề nghị tính lãi suất theo quy định của khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Việc tự điều chỉnh giảm mức lãi suất của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 14.332.015đ x 5% = 716.600đ. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, khoản 4 Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng; các điều 463, 466, 468, 470, 357, khoản 2 Điều 468, điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Buộc Anh Hoàng Thành T có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty tài chính V tổng số tiền là 14.332.015đ (*Mười bốn triệu ba trăm ba mươi hai nghìn không trăm mười lăm đồng*), trong đó: nợ gốc là: 11.760.663đ *(mười một triệu bảy trăm sáu mươi nghìn sáu trăm sáu ba đồng)*; nợ lãi là 2.571.352đ *(hai triệu năm trăm bảy mốt nghìn ba trăm năm hai đồng)*

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Hoàng Thành T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 716.600 (*Bảy trăm mười sáu nghìn sáu trăm đồng*). Công ty tài chính V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 340.000đ (*Ba trăm bốn mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003316 ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty tài chính V có đơn yêu cầu thi hành án, mà Anh Hoàng Thành T chưa thanh toán được số tiền nêu trên, thì hàng tháng anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh